|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | | % Tổng điểm | |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | Số CH | | Thời gian (phút) |
| Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | Số CH | Thời gian (Phút) | TN | TL |  |
| **1** | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | An toàn thông tin trên Internet | **3TN** | 3 | **1TN** | 1 |  |  |  |  | **4** |  | 4 | 10% |
| **2** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | 1. Soạn thảo văn bản cơ bản | **11TN** | 11 | **9TN** | 9 | **1 TL** | 5 | **1 TL** | 7 | **20** | **2** | 32 | 70% |
| 2. Sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy | **2TN** | 2 | **2TN** | 2 | **1 TL** | 5 |  |  | **4** | **1** | 9 | 20% |
| Tổng | | | 16 | 16 | 12 | 12 | 2 | 10 | 1 | 7 | 28 | 3 | 45 | 10 |
| Tỉ lệ (%) | | | 40 | | 30 | | 20 | | 10 | | 70 | 30 | 100 | 100% | |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 70 | | | | 30 | | | |  |  | 100 | 100% | |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 6**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN: TIN HỌC LỚP: 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | Một số tác hại khi tham gia Internet | **Nhận biết**  – Nêu được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi tham gia Internet  - Biết bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân.  **Câu 1, 2, 3**  **Thông hiểu**  – Hiểu được cách bảo vệ thông tin cá nhân và quyền được bảo vệ thông tin cá nhân  **Câu 4**  **Vận dụng**  – Thực hiện được các thao tác để bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân. | **3TN** | **1TN** |  |  |
| **2** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | 1. Soạn thảo văn bản cơ bản | **Nhận biết**  – Nhận biết được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.  – Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.  **Câu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15**  **Thông hiểu**  - Giải thích được các công cụ căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.  **Câu 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24**  **Vận dụng**  – Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.  – Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo.  – Trình bày được thông tin ở dạng bảng.  **Câu 29**  **Vận dụng cao**  – Soạn thảo được văn bản phục vụ học tập và sinh hoạt hàng ngày.  **Câu 31** | **11TN** | **9TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  | 2. Sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy | **Nhận biết**  - Sơ đồ tư duy là gì? Biết phần mềm vẽ sơ đồ tư duy  - Biết Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành Chủ đề chính, chủ đề nhánh  **Câu 25, 26**  **Thông hiểu**  – Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.  **Câu 27, 28**  **Vận dụng**  – Sắp xếp được một cách logic và trình bày được sơ đồ tư duy theo yêu cầu  **Câu 30**  **Vận dụng cao**  – Sử dụng được phần mềm để tạo sơ đồ tư duy đơn giản phục vụ học tập và trao đổi thông tin. | **2TN** | **2TN** | **1 TL** |  |
| **Tổng** | | |  | **16TN** | **12 TN** | **2 TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |